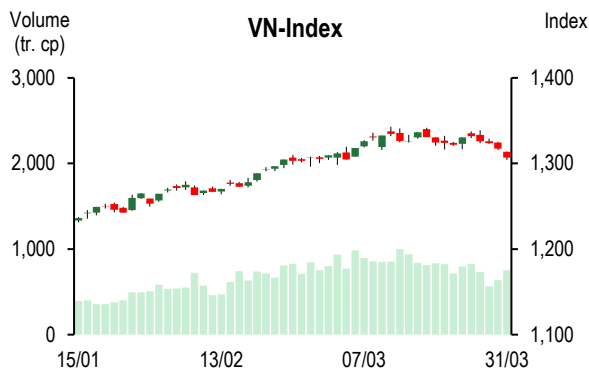


31/03/2025	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,306.86	-0.80%	1,363.88	-0.73%	235.06	-1.32%
Tổng KLGD (tr. cp)	868.19	17.33%	328.21	31.92%	57.58	-6.38%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	753.51	18.30%	270.62	29.99%	50.67	-7.34%
TB 20 phiên (tr. cp)	820.64	-8.18%	302.58	-10.56%	57.14	-11.32%
Tổng GTGD (tỷ VND)	21,220	24.13%	10,770	31.86%	984	-0.79%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	17,560	22.34%	8,053	26.04%	881	-4.22%
TB 20 phiên (tỷ VND)	18,251	-3.79%	9,044	-10.96%	1,008	-12.54%
Số mã tăng	135	26%	8	27%	38	17%
Số mã giảm	322	62%	20	67%	127	57%
Số mã đứng giá	63	12%	2	7%	58	26%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường mở cửa tạo "gap" giảm ngay đầu phiên và áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế sau đó. Bối cảnh thận trọng khi thuế quan sắp công bố từ Mỹ đè nặng tâm lý thị trường. Ngày 2/4 tới đây, chính quyền Tổng thống Trump sẽ công bố chính sách thuế đối ứng, bước đi được cho là lớn nhất trong chính sách thương mại từ trước đến nay của ông. Gần đây, ông Trump cũng cho biết sẽ áp thuế với "tất cả các quốc gia", làm rõ những đồn đoán trước đó về việc chính sách này có thể chỉ giới hạn ở một số nước. Dù đã giảm được thu hẹp một ít nhưng biên độ giảm vẫn còn cao. Thanh khoản gia tăng so với phiên trước và ngang với mức trung bình 10 phiên. Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về số mã giảm giá. Sắc xanh hạn chế ghi nhận ở nhóm Đầu tư công, Xây dựng, ngược lại, nhóm Cao su, Công nghệ, Viễn thông, Hóa chất, Dầu khí, phản ứng kém khả quan nhất. Về mặt điểm số, đóng vai trò nâng đỡ là lực kéo từ MBB, MSB, VNM, trong khi GVR, VCB, FPT kim hãm. Khối ngoại bán ròng phiên nay lượng lớn với 1281,9 tỷ, tập trung ở VNM, HPG, SSI.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Dưới góc độ kỹ thuật, VN-Index đang áp sát khu vực hỗ trợ quan trọng quanh ngưỡng tâm lý 1300 điểm, khả năng sẽ có lực đỡ các phiên tới. Nhóm trụ vẫn luân chuyển để thay nhau "giữ điểm" cho thị trường. Dù vậy, mức phục hồi vẫn riêng lẻ và chưa có nhóm ngành mang tính dẫn dắt. Hơn nữa, áp lực bán cũng xoay vòng giữa từng nhóm cổ phiếu dễ tác động lên tâm lý giao dịch, nên chỉ có thể kỳ vọng chỉ số "cân bằng tạm thời" chứ chưa thể kết luận đáy của nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn. VN30 tạo nên hammer cho thấy sự tham gia của dòng tiền bắt đáy, nhưng mức giảm còn lớn hàm ý động lực chưa đủ mạnh, khả năng vẫn còn rung lắc. Đối với HNX-Index, chỉ số đã tiếp cận hỗ trợ quanh MA50-ngày tương ứng ngưỡng 235, kỳ vọng sẽ cố thủ quanh đây. Chiến lược: Giữ trạng thái tài khoản ở mức trung bình và theo dõi phản ứng tại hỗ trợ. Nếu xuất hiện nhịp hồi phục kỹ thuật, ưu tiên giảm tỷ trọng với những vị thế chưa kịp cơ cấu trước đó, hạn chế mua bình quân cho đến khi có tín hiệu xác nhận xu hướng rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ: Mua ABB

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT
Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	ABB	Mua	01/04/2025	7.79	7.79	0.0%	8.8	13.0%	7.4	-5.0%	Tín hiệu tạo đáy

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	KBC	Nắm giữ	28/03/2025	30.65	30.30	1.2%	34	12.2%	28.5	-5.9%	
2	DXG	Mua	20/03/2025	15.80	16.75	-5.7%	18.5	10.4%	15.8	-6%	Điều chỉnh theo thị trường
3	POW	Mua	24/03/2025	12.80	12.45	2.8%	13.5	8.4%	12	-4%	
4	BVB	Mua	25/03/2025	13.80	14.5	-4.8%	16	10.3%	13.8	-5%	Điều chỉnh theo thị trường
5	GVR	Mua	26/03/2025	32.40	34.6	-6.4%	38	9.8%	33	-5%	Điều chỉnh theo thị trường

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Lộ diện địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút FDI trong quý 1/2025, tổng vốn đầu tư cán mốc 2 tỷ USD

Tỉnh Bắc Ninh trao giấy chứng nhận đầu tư cho 14 doanh nghiệp trong nước với tổng vốn đầu tư 8.116 tỷ đồng (tương đương hơn 324 triệu USD); 6 doanh nghiệp nước ngoài với tổng vốn đầu tư hơn 320 triệu USD; 3 doanh nghiệp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư tăng vốn thêm trên 135 triệu USD và 1 doanh nghiệp thỏa thuận đầu tư mở rộng với số vốn tăng thêm 260 triệu USD. Tổng số vốn đăng ký đầu tư đạt hơn 1 tỷ USD. Trong số các dự án được trao chứng nhận đầu tư, những dự án có vốn đầu tư lớn phải kể đến như Công ty Hainan Goertek (Trung Quốc) thực hiện dự án sản xuất linh kiện điện tử, bảng mạch điện tử, thiết bị điều khiển sản phẩm điện tử, đồng hồ thông minh, với tổng vốn đầu tư 270 triệu USD.

Về thu hút đầu tư, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục là điểm thu hút đầu tư hấp dẫn cả nước. Ba tháng đầu năm, tỉnh Bắc Ninh đứng đầu cả nước về thu hút đầu tư với trên 2 tỷ USD, chủ yếu là các dự án công nghệ cao và bán dẫn. Lũy kể đến nay, tỉnh đã cấp đăng ký đầu tư cho hơn 2.400 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 31,3 tỷ USD (đứng thứ 7 cả nước về quy mô vốn đầu tư thu hút).

NHNN bơm ròng 800 tỷ trong tuần, lãi suất liên ngân hàng giảm nhẹ

Trong tuần 24/3-28/3, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã cho các thành viên vay tổng cộng gần 53.095 tỷ đồng với lãi suất 4% trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá. Cùng thời gian trên, khối lượng đáo hạn lên tới hơn 52.296 tỷ đồng.

Trên kênh tín phiếu không ghi nhận giao dịch khi nhà điều hành đã ngừng phát hành tín phiếu từ ngày 5/3. Tổng cộng trong tuần qua (từ 24/3 đến 28/3), NHNN đã bơm ròng 800 tỷ đồng khi lượng lớn giấy tờ có giá đáo hạn.

Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất kỳ hạn qua đêm bắt đầu ở mức 4,34% vào phiên đầu tuần, sau đó tăng lên 4,48% trong phiên ngày 25/3 và giảm dần qua các phiên xuống 3,88% tại ngày 27/3.

Trong khi đó, lãi suất các kỳ hạn từ một tuần tới ba tháng tại phiên 27/3 hiện dao động từ 4,34% - 4,75%, đều giảm nhẹ (kỳ hạn 1 tuần, 2 tuần) so với phiên đầu tuần.

31/3: Giá vàng nhẫn, vàng SJC tăng 1 triệu đồng mỗi lượng, tiếp tục xác lập đỉnh mới

Chiều 31/3, giá vàng miếng tại các doanh nghiệp được điều chỉnh đồng loạt lên mức 99,5 - 101,8 triệu đồng/lượng, tăng trung bình 1 triệu đồng/lượng so với đầu giờ sáng.

Cùng thời điểm khảo sát, trên thị trường thế giới, giá vàng giao ngay ở ngưỡng 3.120 USD/ounce, tăng 35 USD. Đây tiếp tục là mốc đỉnh mới của giá vàng thế giới.

Nguồn: Cafef, Vietnambiz

Tin doanh nghiệp niêm yết

ĐHDCĐ VIB: Lãi trước thuế quý 1 đạt khoảng 22% kế hoạch cả năm 2025

Sáng ngày 27/03/2025, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (HOSE: VIB) tổ chức ĐHDCĐ thường niên 2025 nhằm trình kế hoạch kinh doanh và phương án tăng vốn điều lệ.

Năm 2025, VIB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng 22% so với kết quả 2024, đạt 11,020 tỷ đồng. Tổng tài sản dự kiến đến 31/12/2025 đạt 600,350 tỷ đồng, tăng 22% so với đầu năm. Tổng dư nợ tín dụng dự kiến tăng 22% lên 395,800 tỷ đồng. Huy động dự kiến tăng 26% lên 377,300 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.

VIB cũng dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt tối đa 7% vốn điều lệ, tương ứng số tiền trả cổ tức hơn 2,085 tỷ đồng. Ngân hàng cũng dự kiến phát hành hơn 417 triệu cp thưởng cho cổ đông hiện hữu, từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 14%) và 7.8 triệu cp thưởng cho cán bộ nhân viên (tỷ lệ 0.26%). Cổ phiếu thưởng cho cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng, còn cổ phiếu thưởng cho nhân viên sẽ bị hạn chế giao dịch trong vòng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Nếu hoàn tất 2 đợt phát hành trên, vốn điều lệ của VIB sẽ tăng từ 29,791 tỷ đồng lên 34,040 tỷ đồng.

Lãi DPM giảm sau kiểm toán

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (HOSE: DPM) vừa công bố BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, ghi nhận lãi ròng giảm 56 tỷ đồng so với báo cáo tự lập, tương đương mức giảm hơn 9%. Theo đó, lãi ròng 2024 của DPM còn gần 538 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần vẫn giữ nguyên ở mức hơn 13,496 tỷ đồng. Dù lợi nhuận giảm sau kiểm toán, so với năm 2023, lãi ròng của DPM vẫn tăng gần 4%, trong khi doanh thu thuần giảm nhẹ 73 tỷ đồng (-0.5%). Công ty cũng đã vượt 6% kế hoạch doanh thu và hơn 2% mục tiêu lợi nhuận đề ra cho năm 2024.

Petrosetco kỳ vọng lãi sau thuế 244 tỷ, chuẩn bị cho sự kiện PVN thoái vốn

Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco, HOSE: PET) sẽ tổ chức ĐHDCĐ thường niên 2025 vào sáng 25/04 tại TPHCM. Tại đại hội, HĐQT sẽ trình cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2025, trong đó các chỉ tiêu hợp nhất bao gồm doanh thu thuần 20,500 tỷ đồng, lãi trước thuế 305 tỷ đồng và lãi sau thuế 244 tỷ đồng, lần lượt tăng 8%, 8% và 11% so với thực hiện 2024.

Một sự kiện đáng chú ý trong năm 2025 là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) dự kiến thoái toàn bộ vốn Nhà nước tại PET. Theo Công ty, đây không chỉ là thách thức lớn mà còn mở ra nhiều cơ hội để tái định vị và phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn tới. Tại thời điểm 31/12/2024, PVN đang là cổ đông lớn nhất tại PET với sở hữu 23.2% vốn.

Với hơn 99 tỷ đồng lãi sau thuế của Công ty mẹ lũy kế chưa phân phối đến ngày 31/12/2024, HĐQT sẽ trình cổ đông kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi tỷ lệ 6%, tương ứng gần 3.4 tỷ đồng và chia cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, tương đương trên 53 tỷ đồng. Năm 2025, Công ty dự kiến chia cổ tức theo tỷ lệ tối đa 10%, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 6%.

Nguồn: Vietstock

THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG
TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
MBB	24,100	0.84%	0.02%
MSB	12,200	2.95%	0.02%
VNM	60,600	0.50%	0.01%
KBC	30,650	2.51%	0.01%
CTG	41,450	0.24%	0.01%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
IDC	54,000	0.93%	0.04%
KSV	187,800	0.32%	0.03%
VIF	18,300	1.67%	0.03%
PMC	127,000	9.11%	0.03%
BAB	11,900	0.85%	0.03%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
GVR	32,400	-6.90%	-0.17%
VCB	64,000	-1.23%	-0.12%
FPT	121,000	-2.42%	-0.08%
BCM	74,800	-3.61%	-0.05%
HPG	26,750	-1.47%	-0.05%

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
THD	30,000	-6.25%	-0.20%
PVS	30,800	-3.45%	-0.14%
KSF	66,600	-2.06%	-0.11%
HUT	14,800	-2.63%	-0.09%
NTP	66,000	-2.65%	-0.07%

TOP 5 GIAO DỊCH KHỚP LỆNH
HOSE

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
HPG	26,536,400	713.9
SHB	56,642,800	702.5
FPT	5,406,300	660.9
SSI	19,494,500	509.3
KBC	16,190,500	498.7

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
SHS	10,172,887	147.9
PVS	3,395,380	105.8
CEO	5,743,346	81.9
MBS	2,718,479	81.5
IDC	751,711	40.3

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN
HOSE

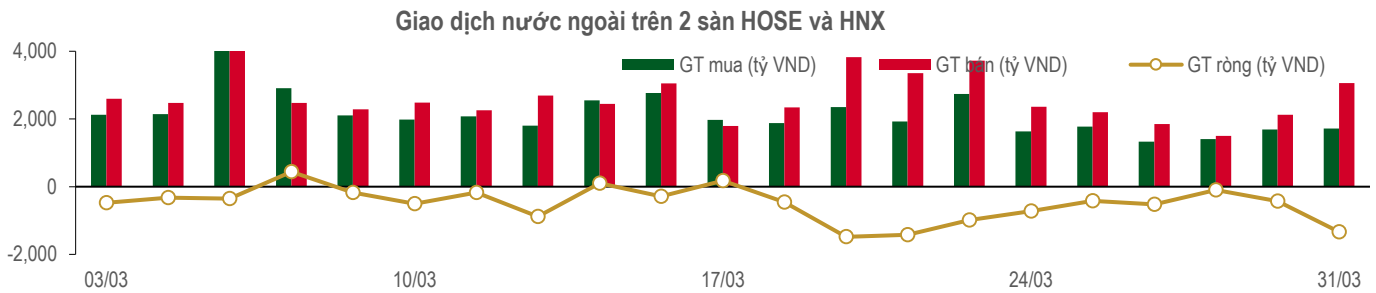
Mã CK	Khối lượng thỏa thuận (cổ phiếu)	GT thỏa thuận (tỷ đồng)
VIC	18,503,060	1,074.0
VHM	17,875,400	913.7
TCB	7,315,200	205.0
MWG	2,379,800	141.4
NAB	7,143,010	119.1

HNX

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị thỏa thuận (tỷ đồng)
PVC	1,855,000	20.7
PVS	430,000	14.0
TPP	1,373,390	13.7
IDC	206,000	10.7
NTP	136,000	9.2

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Sàn	Khối lượng mua (triệu cổ phiếu)	Giá trị mua (tỷ đồng)	Khối lượng bán (triệu cổ phiếu)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Khối lượng ròng (triệu cổ phiếu)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
HOSE	55.40	1,697.58	93.98	2,977.26	(38.58)	(1,279.68)
HNX	0.92	20.80	3.26	79.82	(2.34)	(59.02)
Tổng 2 sàn	56.32	1,718.38	97.25	3,057.09	(40.93)	(1,338.70)


TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỎI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	121,000	1,629,090	199.61
TCB	27,500	3,972,300	116.98
VHM	51,300	2,148,800	110.15
MWG	59,000	1,840,902	107.97
KBC	30,650	3,479,652	107.44

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
IDC	54,000	94,000	5.06
MBS	29,900	146,600	4.38
CEO	14,200	248,119	3.54
PVI	66,000	18,000	1.19
VFS	16,300	62,500	1.02

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỎI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	121,000	2,494,841	304.81
VNM	60,600	3,376,794	205.49
MWG	59,000	2,749,774	160.91
HPG	26,750	5,944,085	159.80
SSI	26,000	4,693,411	122.61

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	30,800	1,207,700	37.64
SHS	14,400	966,300	14.04
IDC	54,000	165,300	8.83
NTP	66,000	77,000	5.14
CEO	14,200	345,050	4.93

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỎI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
VIX	12,250	6,223,300	79.13
KBC	30,650	1,589,052	49.20
VCI	38,300	1,070,300	40.82
VHM	51,300	522,700	26.83
HDC	27,600	866,207	24.13

HNX

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
MBS	29,900	89,075	2.66
VFS	16,300	59,300	0.96
PVI	66,000	14,300	0.94
BVS	38,200	15,400	0.58
PRE	19,900	18,000	0.36

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI
HOSE

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
VNM	60,600	(2,718,544)	(165.41)
HPG	26,750	(5,065,145)	(136.20)
SSI	26,000	(4,057,991)	(106.02)
FPT	121,000	(865,751)	(105.20)
MSN	66,800	(1,468,525)	(99.47)

HNX

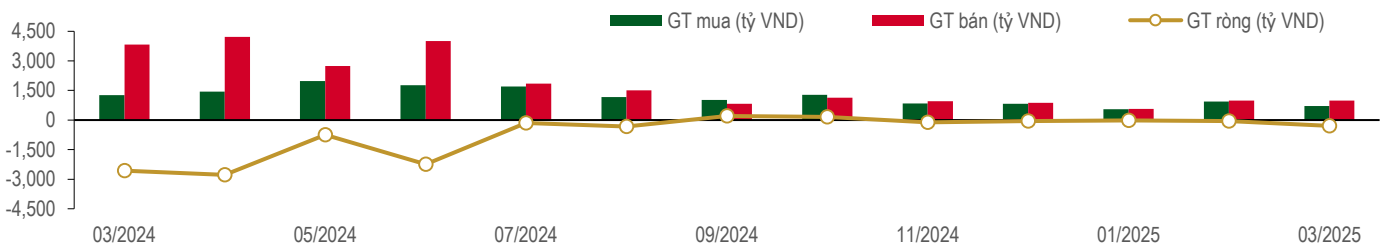
Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	30,800	(1,179,600)	(36.75)
SHS	14,400	(953,000)	(13.85)
NTP	66,000	(77,000)	(5.14)
IDC	54,000	(71,300)	(3.77)
TNG	21,900	(102,984)	(2.26)

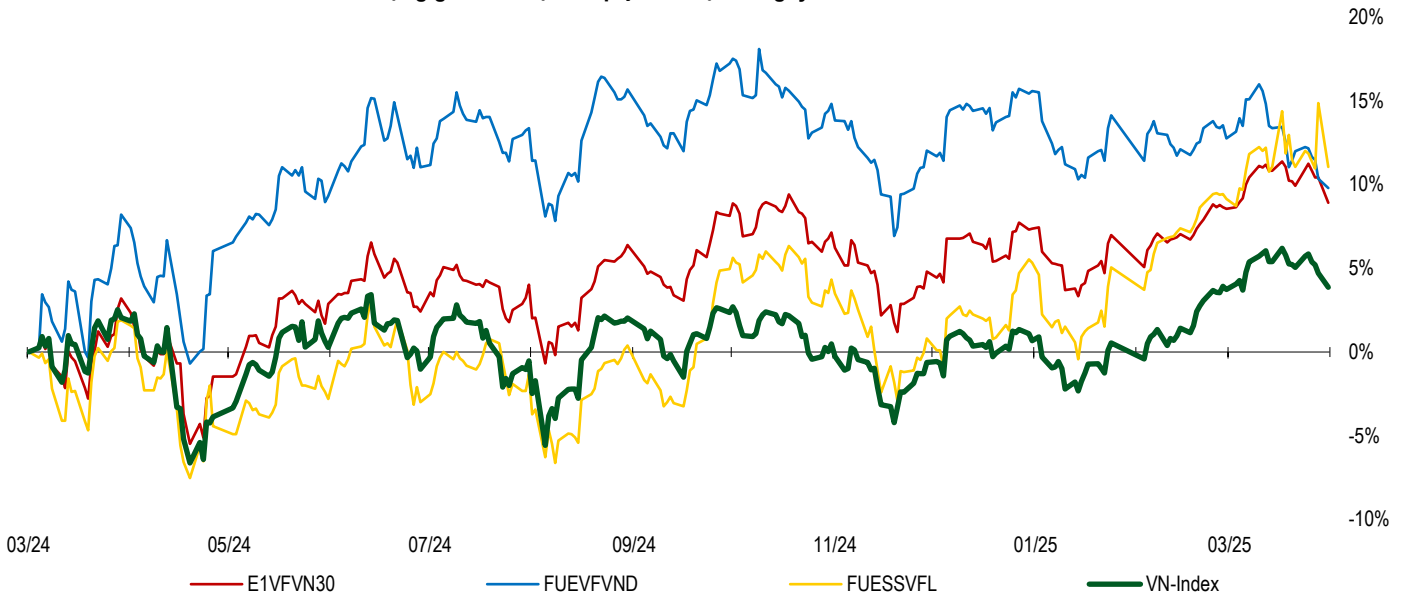
THÔNG KÊ GIAO DỊCH CÁC CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
THÔNG KÊ GIÁ

Mã CK	% thay đổi	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
E1VFN30	-1.4%	1,784,700	42.47
FUEMAV30	-0.6%	1,200	0.02
FUESSV30	-0.8%	9,100	0.15
FUESSV50	-2.0%	12,200	0.25
FUESSVFL	-3.3%	89,900	2.06
FUEVFN30	-0.5%	413,200	13.06
FUEVN100	-4.2%	210,500	3.82
FUEIP100	-0.1%	100	0.00
FUEKIV30	-1.6%	131,500	1.20
FUEDCMID	-0.7%	18,100	0.22
FUEKIVFS	-2.1%	600	0.01
FUEMAVND	-0.2%	12,700	0.17
FUEFCV50	-2.5%	2,800	0.03
FUEBFVND	0.0%	0	0.00
FUEKIVND	-2.9%	100	0.00
FUEABVND	-6.0%	100	0.00
Tổng cộng		2,686,800	63.46

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	Giá trị mua (tỷ đồng)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
E1VFN30	36.40	39.21	(2.81)
FUEMAV30	0.00	0.02	(0.02)
FUESSV30	0.02	0.12	(0.10)
FUESSV50	0.01	0.08	(0.06)
FUESSVFL	0.03	0.63	(0.60)
FUEVFN30	6.52	0.73	5.79
FUEVN100	0.01	2.49	(2.48)
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.00	1.19	(1.19)
FUEDCMID	0.03	0.18	(0.15)
FUEKIVFS	0.00	0.01	(0.01)
FUEMAVND	0.16	0.16	0.00
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng	43.19	44.80	(1.61)

Giao dịch ròng các ETF nội của khối ngoại


Biến động giá của một số quỹ ETF nội từ ngày 01/03/2024-31/03/2025

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	350	-2.8%	1,290,700	28	26,000	298	(52)	25,000	4.00	24/04/2025
CACB2404	600	0.0%	319,420	119	26,000	450	(150)	25,000	4.00	24/07/2025
CACB2405	570	-3.4%	100	44	26,000	250	(320)	25,500	4.00	12/05/2025
CACB2501	1,000	-2.0%	200	119	26,000	713	(287)	24,500	3.00	24/07/2025
CACB2502	1,760	-3.3%	19,600	360	26,000	715	(1,045)	28,000	2.00	24/03/2026
CACB2503	1,270	-4.5%	13,800	210	26,000	611	(659)	27,000	2.00	23/10/2025
CACB2504	550	-5.2%	135,300	56	26,000	400	(150)	26,000	2.00	22/05/2025
CACB2505	1,370	-2.1%	2,000	192	26,000	486	(884)	26,300	3.00	07/10/2025
CACB2506	620	0.0%	0	91	26,000	247	(373)	27,400	2.00	26/06/2025
CFPT2402	3,310	-12.9%	37,500	119	121,000	641	(2,669)	134,064	3.97	24/07/2025
CFPT2403	300	-48.3%	74,200	28	121,000	49	(251)	134,064	3.97	24/04/2025
CFPT2404	2,100	-8.7%	20,370	218	121,000	695	(1,405)	120,161	14.90	31/10/2025
CFPT2405	1,460	-27.4%	9,400	136	121,000	305	(1,155)	134,064	9.93	12/08/2025
CFPT2407	170	-56.4%	18,300	91	121,000	3	(167)	158,692	24.83	26/06/2025
CFPT2501	170	-34.6%	164,200	119	121,000	17	(153)	160,000	10.00	24/07/2025
CFPT2502	400	-14.9%	1,328,900	210	121,000	40	(360)	170,000	10.00	23/10/2025
CFPT2503	710	-11.3%	286,700	360	121,000	95	(615)	180,000	10.00	24/03/2026
CFPT2504	180	-18.2%	912,500	56	121,000	1	(179)	160,000	10.00	22/05/2025
CFPT2505	1,160	-6.5%	91,900	284	121,000	183	(977)	158,000	10.00	07/01/2026
CFPT2506	230	-4.2%	200	91	121,000	4	(226)	164,000	8.00	26/06/2025
CFPT2507	600	-9.1%	2,400	127	121,000	46	(554)	155,000	8.00	01/08/2025
CFPT2508	1,140	-0.9%	112,200	311	121,000	242	(898)	160,000	8.00	03/02/2026
CHDB2501	390	-2.5%	17,100	91	22,100	139	(251)	24,800	2.00	26/06/2025
CHPG2402	510	0.0%	350,700	51	26,750	122	(388)	28,177	2.73	19/05/2025
CHPG2406	820	-8.9%	179,000	211	26,750	326	(494)	28,000	4.00	24/10/2025
CHPG2407	400	-24.5%	1,636,400	28	26,750	263	(137)	26,000	4.00	24/04/2025
CHPG2408	730	0.0%	41,700	119	26,750	307	(423)	27,000	4.00	24/07/2025
CHPG2409	1,870	0.5%	35,300	218	26,750	971	(899)	25,000	3.00	31/10/2025
CHPG2410	840	-14.3%	2,500	136	26,750	232	(608)	28,000	4.00	12/08/2025
CHPG2412	200	-20.0%	1,210,200	91	26,750	21	(179)	31,333	4.00	26/06/2025
CHPG2501	910	-14.2%	1,187,700	87	26,750	631	(279)	25,500	3.00	24/06/2025

CHPG2502	880	-14.6%	83,600	179	26,750	452	(428)	27,500	3.00	24/09/2025
CHPG2503	800	-14.9%	378,000	56	26,750	384	(416)	27,000	2.00	22/05/2025
CHPG2504	1,420	-7.8%	52,600	210	26,750	477	(943)	29,000	2.00	23/10/2025
CHPG2505	2,140	-5.7%	20,600	360	26,750	626	(1,514)	30,000	2.00	24/03/2026
CHPG2506	1,130	-6.6%	28,200	284	26,750	431	(699)	27,800	4.00	07/01/2026
CHPG2507	470	0.0%	10,100	91	26,750	132	(338)	29,600	2.00	26/06/2025
CHPG2508	1,890	-6.0%	209,200	206	26,750	860	(1,030)	27,000	2.00	21/10/2025
CHPG2509	740	-9.8%	30,600	127	26,750	288	(452)	28,000	3.00	01/08/2025
CHPG2510	1,210	-7.6%	84,900	311	26,750	461	(749)	29,000	3.00	03/02/2026
CMBB2402	2,370	2.2%	86,400	51	24,100	2,232	(138)	20,403	1.70	19/05/2025
CMBB2405	790	1.3%	9,790,100	119	24,100	658	(132)	22,590	3.48	24/07/2025
CMBB2406	730	2.8%	260,300	28	24,100	704	(26)	21,721	3.48	24/04/2025
CMBB2407	1,850	0.0%	1,426,200	218	24,100	1,610	(240)	22,590	1.74	31/10/2025
CMBB2409	440	-10.2%	133,100	91	24,100	180	(260)	25,099	4.34	26/06/2025
CMBB2501	1,570	-3.7%	13,300	119	24,100	1,390	(180)	20,852	2.61	24/07/2025
CMBB2502	2,080	1.5%	36,400	56	24,100	1,943	(137)	20,852	1.74	22/05/2025
CMBB2503	2,290	-1.3%	28,100	210	24,100	1,589	(701)	22,590	1.74	23/10/2025
CMBB2504	2,780	0.0%	59,400	360	24,100	1,678	(1,102)	23,459	1.74	24/03/2026
CMBB2505	1,870	0.5%	18,500	374	24,100	1,111	(759)	22,800	3.00	07/04/2026
CMBB2506	1,750	0.0%	0	91	24,100	1,049	(701)	23,025	1.74	26/06/2025
CMBB2507	2,520	48.2%	53,200	311	24,100	1,219	(1,301)	24,000	2.00	03/02/2026
CMBB2508	1,240	-1.6%	1,000	127	24,100	1,034	(206)	23,000	2.00	01/08/2025
CMSN2404	710	-15.5%	37,900	119	66,800	180	(530)	79,000	4.00	24/07/2025
CMSN2405	60	-40.0%	763,400	28	66,800	3	(57)	79,000	4.00	24/04/2025
CMSN2406	630	-3.1%	609,700	218	66,800	300	(330)	79,000	6.00	31/10/2025
CMSN2408	110	-21.4%	1,729,300	91	66,800	10	(100)	85,678	10.00	26/06/2025
CMSN2501	400	-29.8%	1,256,200	87	66,800	197	(203)	72,000	8.00	24/06/2025
CMSN2502	460	-19.3%	691,900	56	66,800	146	(314)	73,000	5.00	22/05/2025
CMSN2503	1,420	-9.0%	265,900	210	66,800	522	(898)	75,000	5.00	23/10/2025
CMSN2504	400	-9.1%	50,500	91	66,800	142	(258)	77,700	4.00	26/06/2025
CMWG2401	830	-18.6%	57,700	51	59,000	138	(692)	65,479	3.97	19/05/2025
CMWG2405	140	-36.4%	468,100	28	59,000	31	(109)	66,000	4.00	24/04/2025
CMWG2406	830	-14.4%	118,100	119	59,000	368	(462)	66,000	4.00	24/07/2025
CMWG2407	530	-3.6%	5,400	218	59,000	306	(224)	70,000	6.00	31/10/2025
CMWG2408	330	-25.0%	4,100	44	59,000	84	(246)	65,000	6.00	12/05/2025
CMWG2410	170	-22.7%	521,700	91	59,000	41	(129)	70,777	10.00	26/06/2025
CMWG2501	610	-18.7%	82,000	87	59,000	419	(191)	62,000	5.00	24/06/2025
CMWG2502	680	-16.0%	606,600	56	59,000	427	(253)	60,000	5.00	22/05/2025
CMWG2503	1,410	-9.0%	101,300	210	59,000	731	(679)	63,000	5.00	23/10/2025
CMWG2504	1,830	-7.6%	125,800	360	59,000	886	(944)	66,000	5.00	24/03/2026
CMWG2505	1,410	-7.2%	48,000	192	59,000	701	(709)	61,000	6.00	07/10/2025
CMWG2506	410	-14.6%	20,200	91	59,000	297	(113)	66,900	3.00	26/06/2025
CSHB2401	1,230	-12.8%	114,500	44	12,450	1,176	(54)	10,365	1.80	12/05/2025
CSHB2403	1,000	-14.5%	662,600	91	12,450	813	(187)	11,116	1.80	26/06/2025
CSHB2501	1,400	-15.7%	123,800	87	12,450	1,444	44	9,915	1.80	24/06/2025
CSTB2402	3,000	2.7%	734,300	51	38,300	2,807	(193)	30,000	3.00	19/05/2025
CSTB2408	770	0.0%	152,100	28	38,300	650	(120)	36,000	4.00	24/04/2025
CSTB2409	1,210	0.0%	104,400	119	38,300	927	(283)	36,000	4.00	24/07/2025
CSTB2410	1,190	7.2%	291,400	218	38,300	1,158	(32)	38,000	3.00	31/10/2025
CSTB2411	1,540	-2.5%	100	44	38,300	1,134	(406)	34,000	4.00	12/05/2025
CSTB2413	710	-1.4%	160,600	91	38,300	365	(345)	39,679	4.00	26/06/2025
CSTB2501	2,150	-2.3%	7,800	87	38,300	1,772	(378)	33,500	3.00	24/06/2025
CSTB2502	2,200	0.5%	100	179	38,300	1,532	(668)	35,500	3.00	24/09/2025
CSTB2503	2,170	-0.9%	109,200	56	38,300	1,884	(286)	35,000	2.00	22/05/2025
CSTB2504	2,710	-1.5%	17,200	210	38,300	1,704	(1,006)	38,000	2.00	23/10/2025
CSTB2505	1,900	-2.1%	2,200	192	38,300	790	(1,110)	40,000	3.00	07/10/2025
CSTB2506	1,800	0.0%	0	91	38,300	1,082	(718)	38,100	2.00	26/06/2025
CTCB2403	830	1.2%	904,800	218	27,500	637	(193)	26,000	5.00	31/10/2025
CTCB2404	1,200	-11.8%	100	136	27,500	673	(527)	25,000	5.00	12/08/2025

CTCB2406	380	0.0%	0	91	27,500	250	(130)	27,979	5.00	26/06/2025
CTCB2501	2,300	-8.7%	210,900	119	27,500	2,010	(290)	24,000	2.00	24/07/2025
CTCB2502	2,030	-3.8%	66,900	56	27,500	1,842	(188)	24,000	2.00	22/05/2025
CTCB2503	2,240	-5.5%	102,000	210	27,500	1,570	(670)	26,000	2.00	23/10/2025
CTCB2504	1,350	-1.5%	96,300	284	27,500	749	(601)	24,500	6.00	07/01/2026
CTCB2505	1,690	0.0%	0	91	27,500	1,043	(647)	26,400	2.00	26/06/2025
CTCB2506	1,420	0.0%	0	206	27,500	942	(478)	25,000	4.00	21/10/2025
CTPB2403	170	-15.0%	43,300	44	14,300	2	(168)	17,500	3.00	12/05/2025
CTPB2405	150	-11.8%	2,200	91	14,300	3	(147)	18,999	4.00	26/06/2025
CTPB2501	350	0.0%	11,300	91	14,300	42	(308)	17,700	1.00	26/06/2025
CVHM2406	1,510	-1.3%	13,900	119	51,300	964	(546)	50,000	4.00	24/07/2025
CVHM2407	890	-1.1%	275,500	28	51,300	716	(174)	49,000	4.00	24/04/2025
CVHM2408	3,780	1.1%	315,500	218	51,300	3,529	(251)	38,000	4.00	31/10/2025
CVHM2409	2,480	-3.1%	100	136	51,300	2,005	(475)	42,000	5.00	12/08/2025
CVHM2411	1,000	-4.8%	5,000	91	51,300	624	(376)	50,555	5.00	26/06/2025
CVHM2501	2,010	0.5%	239,800	56	51,300	1,900	(110)	42,000	5.00	22/05/2025
CVHM2502	2,230	0.5%	37,000	210	51,300	1,637	(593)	45,000	5.00	23/10/2025
CVHM2503	2,390	-2.0%	12,800	374	51,300	1,672	(718)	42,000	7.00	07/04/2026
CVHM2504	3,200	0.0%	22,000	91	51,300	3,722	522	44,500	2.00	26/06/2025
CVIB2402	470	-6.0%	92,900	51	19,850	224	(246)	20,515	1.71	19/05/2025
CVIB2405	990	-1.0%	63,200	28	19,850	950	(40)	18,000	2.00	24/04/2025
CVIB2406	530	-3.6%	167,800	119	19,850	381	(149)	19,000	4.00	24/07/2025
CVIB2407	1,710	-2.8%	59,400	218	19,850	1,291	(419)	18,000	2.00	31/10/2025
CVIB2408	600	-9.1%	56,900	44	19,850	201	(399)	19,500	4.00	12/05/2025
CVIB2501	460	-4.2%	44,100	56	19,850	305	(155)	20,000	2.00	22/05/2025
CVIB2502	1,000	-2.0%	28,200	210	19,850	464	(536)	21,000	2.00	23/10/2025
CVIB2503	1,600	0.0%	0	91	19,850	382	(1,218)	21,200	1.00	26/06/2025
CVIC2404	3,840	2.4%	29,900	28	58,000	3,771	(69)	43,000	4.00	24/04/2025
CVIC2405	4,120	1.5%	54,700	119	58,000	3,848	(272)	43,000	4.00	24/07/2025
CVIC2407	2,220	2.3%	302,000	91	58,000	1,891	(329)	48,999	5.00	26/06/2025
CVIC2501	3,690	1.4%	533,700	56	58,000	3,632	(58)	40,000	5.00	22/05/2025
CVIC2502	3,310	1.2%	70,000	210	58,000	2,778	(532)	45,000	5.00	23/10/2025
CVIC2503	5,200	0.4%	100	91	58,000	5,230	30	42,600	3.00	26/06/2025
CVJC2501	530	23.3%	15,100	91	95,000	79	(451)	106,100	6.00	26/06/2025
CVNM2401	430	-2.3%	124,200	51	60,600	90	(340)	63,331	7.68	19/05/2025
CVNM2405	90	28.6%	557,000	28	60,600	3	(87)	67,472	3.97	24/04/2025
CVNM2406	340	3.0%	477,600	119	60,600	110	(230)	68,464	3.97	24/07/2025
CVNM2407	550	1.9%	365,300	218	60,600	227	(323)	67,472	5.95	31/10/2025
CVNM2501	390	2.6%	116,300	56	60,600	96	(294)	64,495	4.96	22/05/2025
CVNM2502	1,010	0.0%	524,600	210	60,600	363	(647)	65,488	4.96	23/10/2025
CVNM2503	1,570	0.0%	138,300	360	60,600	433	(1,137)	68,464	4.96	24/03/2026
CVNM2504	1,280	4.1%	3,000	192	60,600	301	(979)	65,000	6.00	07/10/2025
CVNM2505	440	0.0%	0	91	60,600	81	(359)	67,800	4.00	26/06/2025
CVPB2401	360	-20.0%	381,600	51	19,000	160	(200)	19,939	1.90	19/05/2025
CVPB2407	220	-15.4%	1,897,000	119	19,000	87	(133)	21,000	4.00	24/07/2025
CVPB2408	70	-30.0%	1,213,100	28	19,000	12	(58)	21,000	2.00	24/04/2025
CVPB2409	530	-5.4%	688,400	218	19,000	228	(302)	22,000	2.00	31/10/2025
CVPB2410	730	-6.4%	22,100	136	19,000	139	(591)	21,000	3.00	12/08/2025
CVPB2412	200	-20.0%	1,178,800	91	19,000	28	(172)	22,777	2.00	26/06/2025
CVPB2501	1,060	-8.6%	366,200	210	19,000	496	(564)	20,000	2.00	23/10/2025
CVPB2502	1,450	-4.6%	34,100	360	19,000	564	(886)	21,000	2.00	24/03/2026
CVPB2503	540	-14.3%	966,800	56	19,000	344	(196)	19,000	2.00	22/05/2025
CVPB2504	1,340	-5.6%	18,700	374	19,000	510	(830)	20,000	3.00	07/04/2026
CVPB2505	980	0.0%	0	91	19,000	244	(736)	21,000	1.00	26/06/2025
CVPB2506	810	-8.0%	151,700	189	19,000	421	(389)	20,200	2.00	02/10/2025
CVRE2405	450	-19.6%	779,100	28	19,150	364	(86)	19,000	2.00	24/04/2025
CVRE2406	500	-7.4%	263,300	119	19,150	379	(121)	19,000	4.00	24/07/2025
CVRE2407	2,070	-3.3%	174,000	218	19,150	1,956	(114)	16,000	2.00	31/10/2025
CVRE2408	910	-9.9%	5,000	136	19,150	398	(512)	20,000	3.00	12/08/2025

CVRE2410	170	-26.1%	321,300	91	19,150	93	(77)	21,888	4.00	26/06/2025
CVRE2501	700	-20.5%	5,900	87	19,150	627	(73)	18,000	3.00	24/06/2025
CVRE2502	1,340	-9.5%	99,200	56	19,150	1,197	(143)	17,000	2.00	22/05/2025
CVRE2503	1,700	-7.1%	62,400	210	19,150	1,280	(420)	18,000	2.00	23/10/2025
CVRE2504	2,950	0.0%	0	91	19,150	1,958	(992)	17,900	1.00	26/06/2025
CVRE2505	2,130	0.0%	0	206	19,150	1,584	(546)	17,000	2.00	21/10/2025

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền
 (**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Ngày ra báo cáo	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
DGW	HOSE	19/03/2025	37,600	48,500	29.0%	Mua
DBD	HOSE	13/03/2025	54,000	68,000	25.9%	Mua
HAH	HOSE	17/02/2025	52,800	61,200	15.9%	Tăng tỷ trọng
PNJ	HOSE	11/02/2025	83,300	111,700	34.1%	Mua
HPG	HOSE	10/02/2025	26,750	32,400	21.1%	Mua
DRI	UPCOM	04/02/2025	14,457	15,100	4.4%	Nắm giữ
DPR	HOSE	01/04/2025	48,650	43,500	-10.6%	Bán
VNM	HOSE	21/01/2025	60,600	72,500	19.6%	Tăng tỷ trọng
STB	HOSE	13/01/2025	38,300	38,800	1.3%	Nắm giữ
ACB	HOSE	31/12/2024	26,000	31,900	22.7%	Mua
MBB	HOSE	31/12/2024	24,100	31,100	29.0%	Mua
MSB	HOSE	31/12/2024	12,200	13,600	11.5%	Tăng tỷ trọng
SHB	HOSE	31/12/2024	12,450	12,400	-0.4%	Giảm tỷ trọng
TCB	HOSE	31/12/2024	27,500	30,700	11.6%	Tăng tỷ trọng
TPB	HOSE	31/12/2024	14,300	19,700	37.8%	Mua
VIB	HOSE	31/12/2024	19,850	22,900	15.4%	Tăng tỷ trọng
VPB	HOSE	31/12/2024	19,000	24,600	29.5%	Mua
CTG	HOSE	31/12/2024	41,450	42,500	2.5%	Nắm giữ
HDB	HOSE	31/12/2024	22,100	28,000	26.7%	Mua
VCB	HOSE	31/12/2024	64,000	69,900	9.2%	Nắm giữ
BID	HOSE	31/12/2024	38,750	41,300	6.6%	Nắm giữ
LPB	HOSE	31/12/2024	33,250	28,700	-13.7%	Bán
MSH	HOSE	31/12/2024	59,600	58,500	-1.8%	Giảm tỷ trọng
TCM	HOSE	31/12/2024	36,650	50,300	37.2%	Mua
IDC	HNX	31/12/2024	54,000	72,000	33.3%	Mua
SZC	HOSE	31/12/2024	41,500	49,500	19.3%	Tăng tỷ trọng
BCM	HOSE	31/12/2024	74,800	80,000	7.0%	Nắm giữ
SIP	HOSE	31/12/2024	86,200	88,000	2.1%	Nắm giữ
IMP	HOSE	31/12/2024	44,550	41,800	-6.2%	Giảm tỷ trọng
VHC	HOSE	31/12/2024	62,500	83,900	34.2%	Mua
ANV	HOSE	31/12/2024	16,450	17,200	4.6%	Nắm giữ
FMC	HOSE	31/12/2024	46,500	50,300	8.2%	Nắm giữ
SAB	HOSE	31/12/2024	48,900	64,000	30.9%	Mua
MWG	HOSE	31/12/2024	59,000	73,600	24.7%	Mua
VSC	HOSE	31/12/2024	17,650	18,200	3.1%	Nắm giữ
GMD	HOSE	31/12/2024	57,500	71,000	23.5%	Mua
PVT	HOSE	31/12/2024	24,750	31,500	27.3%	Mua

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,

8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: 1900 25 23 58

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,

107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận

7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower,

458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,

Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung

Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận

Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,

18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng,

Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801